

DẤU ẤN HIỆN SINH TRONG TIỂU THUYẾT CỦA NGUYỄN THỊ HOÀNG

Existential imprints in Nguyễn Thị Hoàng's novels

TS. Hà Minh Châu

Trường Đại học Sài Gòn

TÓM TẮT

Du nhập vào miền Nam Việt Nam trong bối cảnh xã hội sóng gió, bi đát, chủ nghĩa hiện sinh không chỉ ảnh hưởng đến tư tưởng mà còn ảnh hưởng đến quan niệm, lối sống của tầng lớp thanh niên và tác động đến văn học, làm thành dòng văn học hiện sinh ở đô thị miền Nam trước năm 1975. Xuất hiện cùng các nhà văn, nhà thơ tiếp nhận sâu sắc triết học hiện sinh và thể hiện sinh động tư tưởng hiện sinh trong sáng tác, nhà văn Nguyễn Thị Hoàng quan tâm đến vấn đề con người, vấn đề tự do, trách nhiệm và có nhiều thử nghiệm làm mới văn chương. Nhờ đó, tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển của văn học đô thị miền Nam trước năm 1975, cho quá trình tiếp nhận và hội nhập với văn học thế giới.

Từ khóa: chủ nghĩa hiện sinh, dấu ấn hiện sinh, đô thị miền Nam, văn học hiện sinh

ABSTRACT

Imported into South Vietnam in the context of a stormy and tragic society, existentialism affects not only ideology but also the concept, lifestyle of youth class and influences literature, forming an existential literary stream in the Southern urban area before 1975. Appearing contemporaneously with writers and poets who have deeply received existential philosophy and vividly expressed existential thought in their works, Ms. Nguyễn Thị Hoàng is interested in human issues, freedom, responsibility and having many literary renewal experiments. Consequently, Nguyễn Thị Hoàng's novels have made certain contributions to the development of Southern urban literature before 1975, to the process of receiving and integrating with world literature.

Keywords: existentialism, existential imprints, the Southern urban area, existential literary

1. Mở đầu

Hiện diện và khẳng định chỗ đứng ở miền Nam Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh khốc liệt, thế sự biến loạn, chủ nghĩa hiện sinh (existentialism) - với triết thuyết về con người (trung tâm của lịch sử và vũ trụ), đề cập đến cuộc sống hiện sinh của con người - không chỉ ảnh hưởng đến tư tưởng mà còn ảnh hưởng đến quan niệm, lối sống của một lớp người và tác động đến văn học nghệ thuật. Tiếp nhận sâu sắc triết

học hiện sinh và thể hiện sinh động tư tưởng hiện sinh trong sáng tác, các nhà văn miền Nam trước năm 1975 đã cùng tìm đến một miền riêng về bi kịch phận người với nhiều day dứt, trăn trở, băn khoăn; với những bất an, đố vỡ và với ý thức về sự lựa chọn một thái độ sống hợp lẽ. Cùng với ngôn ngữ và kỹ thuật mô tả hiện tượng luận, sáng tác của họ đã làm nên dòng văn học hiện sinh mang sắc diện riêng.

Được xem là một trong năm nhà văn

nữ hàng đầu của miền Nam trước 1975 (cùng với Nhã Ca, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Tuý Hồng, Trùng Dương), Nguyễn Thị Hoàng đã làm rõ lên những tranh luận về các sáng tác đậm dấu ấn hiện sinh và về những thử nghiệm làm mới văn chương – kể từ tiểu thuyết đầu tay *Vòng tay học trò*. Dấu ấn hiện sinh trong sáng tác, đặc biệt là trong tiểu thuyết của bà biểu hiện ở mối quan tâm của nữ nhà văn xoay quanh vấn đề nhân vị của con người hiện sinh qua kiểu con người cô đơn, âu lo và tự do lựa chọn... với nhiều suy nghiệm (1).

2. Nội dung

2.1. Từ nỗi cô đơn bản thể đến cảm giác cô độc giữa cộng đồng

Xuất phát từ tận chiều sâu bản ngã với nỗi day dứt khôn nguôi về giá trị, ý nghĩa của sự hiện hữu, con người hiện sinh chưa bao giờ nguôi yên cảm giác về nỗi cô đơn tận cùng khi ý thức được sự tồn tại bất hoà của mình với thực tại.

Lời mở đầu truyện *Thành lũy hư vô* – lời của nhân vật “tôi”, một người đàn ông “suốt nửa đời bồng bênh vô định” – cũng là tâm trạng của hầu hết nhân vật chính trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng: “Tôi nốc ba ngum bia thông thả, đấm đuôi. Một cho cô đơn. Một cho tình yêu. Một cho sự chết. Và cầu khẩn được một trong ba điều. Nhưng chẳng điều nào đến, hoặc chỉ đã đến thoáng qua một lần nào đó xa vời, và mất hút vĩnh viễn” (2). Trong đó, cô đơn là điều được nhắc đến đầu tiên.

Nhiều tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng ngay từ tựa đề đã ôm chứa bên trong những nỗi niềm thân phận và bị ám ảnh nhiều nhất là nỗi cô đơn, u hoài, chơi vơi: *Trời xanh không còn nữa*, *Một ngày rồi thôi*, *Cuộc tình trong ngục thất*, *Vực nước mắt*, *Buồn như đời người*, *Năm tháng đầu hiu*, *Dưới vực sâu này*. Ngoài tiểu

thuyết *Một ngày rồi thôi*, *Vòng tay học trò*, *Năm tháng đầu hiu*, nhà văn hiếm khi suy tư về nỗi cô đơn của con người trong cuộc sống yên bình. Đất nước trong những ngày bình lửa điều linh, khu phi trường quân sự, nơi tiền đồn cố thủ, chốn thị thành chấp chới tiếng đạn bom... là bối cảnh sống của những thân phận thời tao loạn, là không gian cho ý thức, cảm giác cô đơn hiện tồn. Cái nhìn về hiện thực xã hội và con người ở thành thị miền Nam những năm 60 – 70 (thế kỉ XX) của nhà văn là cái nhìn trực diện, thẳng thắn và thấu cảm.

Đồng hành cùng những hữu thể trong cuộc nhân sinh của thời đại mình, nữ văn sĩ thâm thía nỗi cô đơn của từng phận người. Sống cuộc đời với những chuỗi ngày dài cô đơn nhưng không phải vì bị tách khỏi tha nhân, mỗi nhân vật trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng hầu hết thức nhận sâu sắc về tình trạng không nương tựa được vào đâu của chính mình. Họ muốn được sống với nỗi cô đơn ở giới hạn cuối cùng của nó vốn không chỉ là một cảm giác để ném trái mà còn là một đặc tính thuộc về bản chất con người – con người hiện sinh. Cảm giác cô quạnh, lẻ loi - “sự cô quạnh lẻ loi hun hút kỳ dị chưa từng cảm thấy trong những giây phút cô đơn thường tình” của người lính tên Bằng (*Tiếng chuông gió gọi người tình trở về*) khi bị thương, rơi vào nơi không một bóng người; cảm giác thấy mình “nhỏ bé và lạc loài trong thế giới cô quạnh lạ lùng chưa bao giờ tới” của Ý Lan (*Tuần trăng mật màu xanh*); cảm giác “đã phải chịu đựng khoảng thời gian cô đơn cùng cực” của ông Vĩnh Hoài (*Một ngày rồi thôi*) khi vợ ông ra đi, bỏ mặc ông và các con là một trạng thái tâm lí khi con người rơi vào tình cảnh một mình, đơn độc. Tuy nhiên, tâm lí ấy không có nhiều ở nhân vật cô đơn của Nguyễn Thị Hoàng.

Bởi lẽ, hầu hết những nhân vật cô đơn khác đã tự quyết định chọn nẻo đường cô đơn cho chính mình trên hành trình tồn tại với nhiều lí do. Đó có thể là vì họ thấy cô độc, lạc loài giữa gia đình, cộng đồng vì sự khác biệt (Huyền trong *Tiếng chuông gió gọi người tình trở về*, người đàn ông trong *Cuộc tình trong ngục thất*); hay vì họ cho cô đơn là số mệnh (Vĩnh trong *Vực nước mắt*); hoặc muốn tìm một môi trường sống khác để được tự do sống với ước muốn, khát khao (Thủy Túy trong *Vực nước mắt*, Giang trong *Vực nước mắt*, Trâm trong *Vòng tay học trò*, Nhan trong *Rời một ngày rời thôi*).

Nhân vật Huyền sống cùng nhiều thành viên trong gia đình chồng, làm tròn bổn phận của người vợ, người con dâu trong nhiều năm nhưng chị luôn có cảm giác “có sự khác nhau và cách biệt nhau” giữa chị và họ: “Tôi vẫn có mặc cảm lạc lõng ra ngoài tương giao đậm ấm của con người” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020c, tr.10). Mỗi ngày đều đặn, từ tờ mờ sáng, chị lo dọn dẹp, nấu ăn cho cả gia đình chồng, chăm sóc bố chồng. Tuy nhiên, mối liên kết giữa chị và họ lại rời rạc, lỏng lẻo khi chị làm việc chỉ là vì bổn phận.

Tự nguyện khoác áo lính, có dịp tiếp xúc với bao người nhưng Vĩnh đã coi cô đơn là một định mệnh: “Như anh sinh ra đời để về đi lủi thủi, vui trong cô đơn và bầu bạn suốt đời với những bóng hình đầu đầu lảng vảng” (Nguyễn Thị Hoàng, 1970, tr.22). Giữa những đồng đội, giữa những tiếng nổ xé không trung nơi tiền đồn, anh nhận ra: “Anh đã ghiền cô độc, dù đôi khi cảm thấy mỏi mệt, cảm thấy ngán ngao, và cô độc đã trở thành một cái thú thường xuyên để ghiền ngấm, để luôn luôn có cảm giác tro trọi, thiếu vắng một thứ gì chưa tới, không bao giờ tới” (Nguyễn Thị

Hoàng, 1970, tr.22). Chẳng phải vì những người quanh anh sống vô cảm hay chối bỏ anh, mà vì họ không hiểu anh và chỉ anh hiểu rõ nỗi băn khoăn, hoài nghi thường trực của chính mình về sự sống, về những ám ảnh của chiến trường. Anh không phải là người ảo tưởng về tương lai. Anh muốn khẳng định sự hiện tồn của mình bằng chính nỗi cô đơn định mệnh ấy.

Cũng như Vĩnh, người lính trong *Cuộc tình trong ngục thất* mang tâm trạng lạc loài giữa đồng đội. Đang lúc cùng đồng đội hành quân, anh đã nghĩ về đoàn quân và thân phận mình: “Tôi, lẻ loi, độc lập và cầm quyền lấy sinh mạng hay sự chết của riêng tôi” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020a, tr.72). Tách mình khỏi đồng đội không phải vì là người thừa, vì không nhận được sự cảm thông, anh muốn tồn tại cô đơn với ý hướng riêng về sự sống và cái chết, khác với những đồng đội của anh. Những người lính ấy tham chiến hoặc vì bổn phận hoặc vì lí tưởng, cùng chiến thắng hoặc cùng gục xuống. Anh muốn chủ động với sinh mệnh của anh, muốn “một mình hoàn toàn trách nhiệm lấy cái sống cái chết chỉ gần nhau bằng một kẽ tóc sa chân” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020c, tr.72).

Trong sáng tác của Nguyễn Thị Hoàng, tiếng nói của nhân vật nữ được nhà văn quan tâm trước hết là ở góc độ đời tư, ở những suy ngẫm về đời sống, ở ước vọng về tình yêu, hạnh phúc mà trong cuộc sống thời chiến tranh mịt mù khói lửa, họ không có được. Nhiều nhân vật nữ thổ lộ ước muốn được cô đơn hoặc tự nguyện chọn tình thế cô đơn để thoát khỏi cuộc sống vô vị, nhiều âu lo: “Có ai bắt đầu, cô đơn vì người ta muốn cô đơn” (Nguyễn Thị Hoàng, 1970, tr.185). Lời Hưng đáp trả lại việc giải thích về tình trạng cô đơn của Thủy Túy cũng là sự khẳng định về việc

lựa chọn sự cô đơn của cô. Thủy Túy không thôi nghĩ về việc lựa chọn một nơi sống yên bình có thể giúp Thủy Túy cô đơn. Nhân vật Giang cầu mong đời mình được ba điều, trong đó, cô đơn được đặt lên hàng đầu: “Em muốn cô đơn, tự do và nghĩ đến anh. Tự do, cô đơn và của anh” (Nguyễn Thị Hoàng, 1970, tr.243). Bà Nhan đã quyết định sống một mình suốt thời gian dài với những ngậm ngùi xót xa, “áp ôm phiền muộn”, nuôi hi vọng người đàn ông mà bà yêu cả cuộc đời sẽ đến với bà sau khi ông cưới vợ “trong cái thế chông chênh”, khi bà “đoán trước được mầm tan vỡ”. Cô giáo Trâm vì chán ngán, mệt mỏi với những thú vui buông thả trước đó, đã từ thành phố tìm đến một vùng cao, “bắt qua một nhịp đời khác”: “Một mình quần quai trong cô đơn triền miên đối thoại với tâm tư mình” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020e, tr.190). Ước muốn và lựa chọn tình trạng cô đơn, đó không phải là vì những ẩn ức dồn nén, mà là sự tự thức tỉnh trước thực tại của các nhân vật nữ đã có kinh nghiệm sống trải, là cách để họ được trở về với bản ngã của mình, sống cuộc sống của chính mình.

Khắc hoạ nhân vật cô đơn, nữ nhà văn đã thể hiện tinh thần nhận thức và cụ thể hoá sinh động về một phạm trù của triết học hiện sinh - sự hiện hữu của con người với tâm thức cô đơn từ bản thể. Trạng thái tinh thần ấy thể hiện ý thức về sự tồn tại của con người.

2.2. Từ nỗi âu lo, ưu tư trong cuộc đời riêng đến nỗi hoang mang trước thời cuộc

Vận dụng quan điểm “con người là sự lo âu” (3) của Jean-Paul Sartre được xác quyết trong định đề *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, nhà văn Nguyễn Thị Hoàng xây dựng nhiều nhân vật với trạng

thái tinh thần không nguôi suy ngẫm về sự tồn tại. Theo Sartre, con người “không thể thoát khỏi cái cảm thức về trách nhiệm toàn diện và sâu xa của mình” (Jean-Paul Sartre, 2015, tr.37) nên không thể không âu lo.

Trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng, con người lo âu trước hết là vì thân phận cô cút, nhỏ bé, mong manh của chính mình. Nhân vật tôi trong *Năm tháng đầu hiu* quyết định đi tu ở một tu viện xa nhà để chạy trốn những ngày tháng cũ mà cô xem là đã chết. Tuy nhiên, trong những ngày tu tập, cô không dứt được với quá khứ, chưa có được niềm tin thanh khiết và thuần túy trong đạo. Bởi lẽ, cô luôn trong tâm trạng âu lo, không thể chia sẻ cùng ai nên cứ “hoang mang nửa đường tu tục”: “Tôi không có chỗ, nên đã đi tìm đường, con đường cũng mịt mù như quá khứ” (Nguyễn Thị Hoàng, Trịnh Thị Hiền, 1973, tr.189). Dẫu đã hai lần bị đuổi tới tu viện khác vì tội “tỏ ra lơ đãng và bất thường” và một lần tự làm đơn xin đi đến tu viện ở một vùng cao nguyên mong thoát khỏi những hoang mang, âu lo nhưng khi gần đến ngày khấn trọn đời, cô nhận ra tình trạng của mình: “Dưới chân Chúa, vòm trời lạnh ngắt, mặt đất âm u, đêm dài vô tận, con người lẻ loi, tôi chịu thua” (Nguyễn Thị Hoàng, Trịnh Thị Hiền, 1973, tr.189). Cô lo âu vì chơi vơi, mất phương hướng, vì chưa đủ bản lĩnh, chưa đủ niềm tin để thích ứng với cuộc sống mới.

Cô giáo Trâm dẫu là người phụ nữ mạnh mẽ, tự tin khi đối mặt với các tình huống buộc phải lựa chọn nhưng cô cũng không tránh khỏi sàu não, ưu tư về tương lai của mối tình giữa cô và chàng học trò: “Chúng mình là những cái bóng thoáng hiện phút giây, diêm ảo và mong manh, trên vòm ánh sáng đời nhỏ bé. Nắng rồi sẽ

tất. Ngày rời tàn voi” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020e, tr.180). Tình yêu với Minh giúp Trâm yêu đời hơn nhưng cũng day dứt, lo âu hơn. Có lúc Trâm muốn chống lại dư luận, những dị nghị ác ý nhưng linh cảm về sự bất toàn khiến niềm tin về hạnh phúc của cô lung lay và rời lo âu trong bi quan: “Mỗi con người tôi hay em chỉ được một phút giây hiện tại. Sau đó, hoài niệm là một lời van xin tuyệt vọng, một thái độ bi quan bất lực” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020e, tr.180). Tồn tại trong một xã hội mà sự khắt khe của định kiến, sự tàn nhẫn mang tính bầy đàn được coi trọng, con người càng rơi vào lạc lõng, lo âu. Trâm bi quan về tương lai không phải vì cô lạc lối, mất phương hướng, mà là vì cô thấy tình yêu của mình không có chỗ đứng trong xã hội ấy.

Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng đặc biệt chú ý đến con người lo âu, hoang mang trước thời cuộc. Sống trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, cụ thể là một miền Nam có biến, con người là nạn nhân của cuộc chiến, nữ nhà văn buộc phải trở thành chứng nhân của những cuộc giao tranh: “Những loạt súng làm pháo ba mươi, những tiếng đại bác bên này bên kia thách đố găm gù nhau, một cuộc chiến dằng dai ngập tràn máu xương và nước mắt, thống hận và oán thù” (Nguyễn Thị Hoàng, 1970, tr.124). Cuộc sống ngọt ngào, đầy nguy cơ và bất trắc luôn đe dọa sự tồn tại của con người. Cái nhìn về thời cuộc của Nguyễn Thị Hoàng là sự khẳng định nhà văn nữ đã không bàng quan trước thế sự, đã nhận thức tỉnh táo, có trách nhiệm.

Trước hiện thực tiềm ẩn nhiều bất trắc, cuộc sống con người trở nên bất ổn, tinh thần trở nên bất an. Nỗi lo âu, hoang mang trước thời cuộc trở thành một đặc điểm nổi bật của các nhân vật trong sáng tác của

Nguyễn Thị Hoàng. Từ Huyền (*Tiếng chuông gió gọi người tình trở về*) đến Vĩnh, Thủy Túy (*Vực nước mắt*), người vợ và người chồng (*Cuộc tình trong ngục thất*), Nhung, Đông (*Tuần trăng mật màu xanh*)... tất cả sống chấp chới trong những âu lo, hoang mang, bế tắc.

Trong *Tiếng chuông gió gọi người tình trở về*, khi đi qua các con phố trong và sau những cuộc chạm súng giữa hai bên, Huyền cảm nhận về “một tai họa dữ dội sắp sửa đổ xuống trên thành phố”, “bằng nỗi lo âu mỗi lúc mỗi ngấm ngấm bốc cháy bên trong” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020c, tr.17). Cuộc đời của Huyền, của Bằng, của những người trong gia đình chồng và của mọi người không còn bình yên trước những biến động không báo trước. Họ không đoán định được cuộc sống tương lai, bởi lẽ, hiện tại, “vẫn tiếng súng, tiếng súng... không biết đến bao giờ”. Đó cũng chính là nguyên nhân gây nên trạng thái lo âu, hoang mang đối với họ.

Là người lính chủ động nhập cuộc, càng đi sâu vào cuộc chiến, Vĩnh càng ý thức rõ sinh mạng của bao người được định đoạt bởi đạn bom. Bị ám ảnh bởi những mất mát, những máu xương từ chiến trường, từ một chàng thanh niên lạc quan, nhiều mơ ước, anh thành người lính sống trong tâm trạng hoang mang: “Sinh mạng làm rơm rác. Hoài bão thành khói mây. Tương lai là khoảng trống. Đời sống chẳng phải của mình” (Nguyễn Thị Hoàng, 1970, tr.124). Đối mặt với thực tại, trần trụi của Vĩnh đầy cay đắng. Ý thức sâu sắc về thân phận con người trong chiến tranh khiến anh rơi vào tình trạng bi quan, bế tắc: “... Không có cách nào thoát cả, trừ phi tan thành khói. Phải rồi, tan thành khói” (Nguyễn Thị Hoàng, 1970, tr.127). Đó cũng là sự bất lực đầy đau khổ của một

người có ý thức về trách nhiệm đối với cuộc đời. Vĩnh hình dung rất nhanh về hậu quả của chiến tranh, về tinh thần, tâm hồn bị đất của con người sau cuộc chiến: “Đời sống của mỗi người sẽ trở nên xa lạ vắng ngắt, như bãi tha ma mọc lên những nấm mồ mới, chôn vùi hoài bão, kỷ niệm” (Nguyễn Thị Hoàng, 1970, tr.19). Cùng với Vĩnh, nhân vật Thủy Túy luôn rơi vào cảm giác lo âu, bất lực. Trong những ngày mang thai, càng đi tìm chồng trong vô vọng, Thủy Túy càng thấy mình lẻ loi, bé mọn và không nguôi âu lo về cuộc sống trước mắt vốn tiềm ẩn quá nhiều mối đe dọa: “Những lo sợ bấp bênh. Nỗi lo âu như một chuyến tàu dài không bao giờ dứt chạy mãi miết lên đường rầy tâm trí rã mòn” (Nguyễn Thị Hoàng, 1970, tr.137). Những đổ vỡ, hoang mang của họ xuất phát từ hiểm họa của đời sống. Nó khiến con người bị ám ảnh, hoang mang đến kiệt sức và tàn lụi về tinh thần.

Mất niềm tin, hoang mang nhất có lẽ là cặp vợ chồng chạy loạn trong tiểu thuyết *Cuộc tình trong ngục thất*. Người đàn ông và người đàn bà đã ngồi đợi ở sân bay từ sáng cho đến chiều tối để được đi chuyến bay cuối cùng về lại Sài Gòn, thoát khỏi nơi chiến sự biến động. Đang mang thai, người vợ vẫn quyết lên tiền đồn vùng cao đón chồng. Xin được giấy phép 24 giờ nhưng người chồng quyết định bỏ trốn cùng vợ về Sài Gòn vì qua những đêm canh gác, những đêm hành quân, anh đã là người lính “với tuyệt vọng không cùng, với hoang mang không bến” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020a, tr.70). Cả một ngày chờ đợi, họ có cảm tưởng rơi vào địa ngục trần gian mịt mù, không lối thoát. Và đầu đã được lên chuyến bay cuối cùng, về tới nhà, họ vẫn canh cánh một nỗi lo âu về tương lai: “Đã trở về, đã đến nhà, nhưng còn từ đây,

nhưng ngày mai, cuộc phấn đấu gian nan vẫn còn kéo dài, căng thẳng, lặng lẽ...” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020a, tr.121). Bởi lẽ, chiến tranh vẫn chưa kết thúc, người chồng đã rời bỏ quân ngũ, cuộc sống tương lai của đứa con... tất cả vẫn còn là sự mờ mịt, hụt hẫng.

Nỗi lo âu, hoang mang đẩy con người thời chiến rơi vào tình trạng nghĩ về sự chết – điều mà con người hiện sinh ý thức được trong quá trình hiện hữu. Theo Heidegger, con người là “hữu thể cho sự chết”, vì *cái chết* là dự phóng cuối cùng hoàn tất mọi dự phóng trong đời người. Từ nỗi đau thân phận của một người phụ nữ, một nhà văn nữ, Nguyễn Thị Hoàng luôn sâu vào nỗi hoang mang của con người thời tao loạn để nhận ra tính chất của nỗi lo âu về cái chết trong suy nghiệm, trong cảm giác của họ. Là người lính trực tiếp tham gia những cuộc giao đấu khốc liệt nhưng Đông không suy tư, trăn trở về cuộc đời như Vĩnh, mà bị ám ảnh, hoang mang bởi cái chết: “Sau sát chỗ ngồi là những mô đất cao gài đầy mìn định hướng chặn đường tiến bất ngờ của địch. Ngoài kia nữa là gò đồng mênh mông mờ mả, rồi là những cánh đồng heo hút gió lùa...” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020d, tr.196). Bản năng sống khiến anh mất phương hướng. Anh ngẫm nghĩ nhiều về cái chết, bị ám ảnh bởi cái chết, ngay cả trong giấc mơ: “Hình như anh đã chết đi trong lúc chạy thoát vào đời sống. Chết thật. Để trở thành một con người khác” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020đ, tr.45). Với anh, chỉ cái chết mới giúp anh thoát nỗi bất an, sợ hãi. Người đàn ông (*Ngục tù trong ngục thất*) nghĩ rằng “cái sống cái chết chỉ gần nhau bằng một kẽ tóc sa chân”. Những lần ngã xuống của đồng đội là hiện thực mà anh trải qua và chứng kiến, nhận ra lằn ranh mong manh giữa sự

sống và cái chết. Người vợ của anh cũng nhiều lần suy tư về cái chết: “Sau cái chết, sẽ là những cái chết khác” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020a, tr.95). Trong một số tác phẩm khác, phê phán cuộc sống vô lí tưởng, vô mục đích của thanh niên trong vùng đô thị miền Nam, Nguyễn Thị Hoàng cho thấy từ “mặc cảm tàn phế”, họ chọn cách tự tử (Chi trong *Tuổi Sài Gòn*) hoặc nằm chờ đợi cái chết (cô gái trong *Ngày qua bóng tối*).

2.3. Từ trách nhiệm đến việc lựa chọn một thái độ sống

Theo Thomas Flynn, một trong năm chủ đề của thuyết hiện sinh là tự do/trách nhiệm: “Tự do của chúng ta đến đâu thì trách nhiệm của chúng ta đến đó” (Thomas Flynn, 2018, tr.31) (4). Để khẳng định nhân vị, con người hiện sinh tự quyết định con đường hiện sinh. Trần Thái Đĩnh cho rằng: “Chính trong hành động tự quyết, triết hiện sinh chứng tỏ hiện sinh là giá trị sống, không phải là giá trị tư tưởng” (Trần Thái Đĩnh, 2008, tr.49). Thể hiện bản thân mình đúng với bản ngã, nhân vật trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng khẳng định rõ trách nhiệm với bản thân và lựa chọn một cách sống có ý nghĩa.

Dẫu nghĩ đến cái chết trong trạng thái cô đơn, hoang mang, nhưng nhiều nhân vật của Nguyễn Thị Hoàng chưa bao giờ tìm đến cái chết để kết thúc cuộc đời mình. Họ hoặc vượt qua cảm xúc bị quan, hoặc lựa chọn một thái độ, một hành động hiện sinh khẳng định sự hiện hữu của mình. Bị ám ảnh bởi cái chết nhưng Đông không muốn chết “vì phần đời qua đã hư hoại tan hoang, Đông chưa được sống bao giờ. Đông thêm sống lại quãng đời đó, không thể mất đi, không thể như những người bạn rủi ro đã bỏ lại nơi nhà thương một khúc tay, một khúc chân bầu bạn yêu quý của mình”

(Nguyễn Thị Hoàng, 2020đ, tr.45). Anh quyết vượt qua nỗi sợ hãi lâu dài và quyết sống có ý nghĩa. Nhân vật người chồng hiểu rõ ranh giới mong manh giữa sống và chết nên anh xác định trách nhiệm “cầm quyền lấy sinh mệnh” của chính anh. Người vợ đã phê phán những cái chết vô nghĩa “bằng tự vẫn”, “bằng liều thân”. Hơn thế, chị thể hiện tinh thần hiện sinh với quan điểm: “Mầm mống và bản thể của cuộc đời này là gây dựng và sinh tồn trong bất khuất”. Với người đàn bà này, cái chết không có nghĩa là chấm dứt hiện sinh của con người, mà là kết thúc một bi kịch và chuyển sang một bi kịch khác, hoặc chuyển sang một đời sống mới với những trải nghiệm mới. Nghĩ đến cái chết, chứng tỏ từ trong bản chất, con người biết rõ đời sống có những bất ổn. Vì vậy, vươn lên, vượt qua bất ổn là ý thức, là hành động có ý nghĩa của họ.

Chẳng hạn, Nhung trong *Tuần trăng mật màu xanh*, sau những tháng ngày dài “thả trôi đời sống lênh đênh”, Nhung nhận ra rằng cô “đã từng trải qua, thờ ơ, những ngày lười biếng lều bều như thế, giữa đám bạn ăn chơi”. Nhìn lại quá khứ với những “mốc rêu bám quanh sự sống cũ mòn” bằng ý thức xét lại, Nhung chợt tỉnh ngộ, thấy cần phải thay đổi quan niệm sống, lối sống, thấy trách nhiệm của mình với cuộc đời mình và quyết tâm hành động với niềm tin vào bản lĩnh vượt thoát của mình. Dự tính cho tương lai, cô nêu thái độ dứt khoát: “Phải cướp lấy đời sống và tìm cho thấy màu xanh mong muốn” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020đ, tr.203). Thể hiện trách nhiệm, lựa chọn một lối sống mới, Nhung đã quyết từ bỏ lối sống hưởng thụ. Quyết đoán bằng hành động có trách nhiệm, Nhung đã có ý thức làm nên một giai đoạn hiện sinh có ý nghĩa trong đời sống của cô.

Người vợ trong *Cuộc tình trong ngục thất* sau những âu lo, hoang mang, với kinh nghiệm của người sống trải, đã khẳng định: “Mầm mống và bản thể của cuộc đời này là gầy dựng và sinh tồn trong bất khuất” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020a, tr.86). Đó là một quan niệm sống tích cực bằng hành động và là một thái độ sống bản lĩnh, tự tin với ý thức đấu tranh. Từ suy ngẫm về cuộc đời, thân phận con người, cô suy nghĩ về hạnh phúc. Từ đó, cô kêu gọi: “Xin hãy biết yêu thương và tìm kiếm hạnh phúc” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020a, tr.117). Mong mỗi ấy vừa là lối sống, vừa là thông điệp của một người có ý thức, có tinh thần trách nhiệm với tha nhân trong cuộc đời.

Cũng như Nhung, cô giáo Trâm đã nhìn lại và đã chán ngán, mệt mỏi về những ngày vui thú đã qua và quyết “bỏ đi như một từ khước”. Từ mong muốn “cho tôi sống một lần dù phải chết một đời”, Trâm đã xác định hành động dẫn thân: “Phải băng mình theo một đam mê nào, sống cho cùng, cho tột cảm xúc và khả năng của mình, và phải cảm thấy mình đang sống cuộc đời chính mình lựa chọn và điều khiển” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020e, tr.188). Trâm tự tin khẳng định bản ngã của mình: “Từ phút này tôi đích thực là tôi” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020e, tr.389), “Tôi trở về với tôi” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020e, tr.431), “Tôi trở về nguồn gốc bản thể mình, không lẫn trốn khước từ giả dối nữa. Bản thể mỗi người như một loài rễ cây ẩn kín bướng bỉnh, không thay đổi theo lá cành tươi úa trên cao” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020e, tr.431). Đó là cả một hành trình với một kế hoạch cụ thể và với thái độ ứng xử đáp trả quyết liệt. Đến với cuộc tình xuất phát từ khao khát yêu đương trong mối quan hệ với cậu học trò Duy Minh, Trâm bị người đời phán xét, khinh thường. Cô đã

phản ứng trước thái độ giả dối, thối nát của họ bằng cách dám “thối nát công khai”: “Danh dự. Thế nào là danh dự? Có phải là miếng huy chương giả dán vào vè phè phỡn khôn nạn của những đứa thối nát ngậm không? Còn mình, mình đã làm gì, mình đã vi phạm điều lệ nào của đời sống, mình đã cướp phá gì của ai chưa? Nhưng nếu chúng nó cho rằng mình thối nát? Ít ra mình cũng dám thối nát công khai, còn chúng nó vừa đánh trống vừa ăn cướp. Tôi xấu xa, tội lỗi đó, dựng một thiên đường nhỏ riêng biệt trong đời sống bản thủ giả dối này là xấu xa tội lỗi sao?” (Nguyễn Thị Hoàng, 2020e, tr.265). Vạch trần lối sống giả trá, chống lại dư luận, Trâm đã phản ứng quyết liệt với số đông trong cộng đồng, đứng về phía tư tưởng tự do. Trong các nhân vật thể hiện sự tự do lựa chọn một lối sống có ý nghĩa hơn của Nguyễn Thị Hoàng, Trâm là nhân vật tiêu biểu nhất cho con người hiện sinh với bản lĩnh mạnh mẽ trong hành trình khẳng định nhân vị.

Thức tỉnh về cuộc sống đã qua, tự ý thức về cái tôi, các nhân vật là những con người đi tìm và khẳng định cái tôi bản thể của con người hiện sinh đích thực. Khẳng định cái tôi trách nhiệm, những nhân vật Hiệp, Đông, người chồng đã lựa chọn thái độ vượt qua nỗi sợ hãi cái chết, quyết định sự tồn tại của mình. Tuy nhiên, ở phương diện này, nhà văn Nguyễn Thị Hoàng tập trung hơn vào vị thế của người phụ nữ với sự tự quyết trong khả năng lựa chọn của họ. Điều này cho thấy qua cái nhìn của nhà văn, người phụ nữ thể hiện rõ ý thức vị thế của họ trong xã hội. Do vậy, có thể nói, cái nhìn của nhà văn chịu ảnh hưởng tư tưởng hiện sinh nữ quyền, cụ thể là từ Simone de Beauvoir.

Tim hiểu dấu ấn hiện sinh trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng là để khẳng

định cảm quan hiện thực của một nhà văn nữ về con người cá nhân từ sự ảnh hưởng của thuyết hiện sinh được du nhập và phát triển ở miền Nam Việt Nam những năm 50 – 70 của thế kỉ XX. Dấu ấn ấy mang tính quá trình, thể hiện từ tiểu thuyết đầu tay *Vòng tay học trò* (1964) cho đến các tiểu thuyết về sau. Trong sáng tác của Nguyễn Thị Hoàng, không phải phạm trù nào của chủ nghĩa hiện sinh cũng được nữ nhà văn vận dụng. Tuy nhiên, những trăn trở, ưu tư của nhà văn về thân phận con người trong cuộc chiến hiện hữu; mối đồng cảm với sự tự quyết, trách nhiệm của con người hiện sinh... thể hiện thái độ nhập cuộc, ý thức sâu sắc về đời sống con người thời đại của nữ nhà văn. Người đọc bắt gặp trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng nhiều từ ngữ vốn cũng là những phạm trù quen thuộc của chủ nghĩa hiện sinh như: *bản thể, cô đơn, hoang mang, lựa chọn, tự do, dẫn thân, cái chết, v.v.* Vận dụng các từ ngữ ấy cùng với ngôn ngữ, kĩ thuật mô tả hiện tượng luận, nữ nhà văn đã cụ thể hoá sâu sắc và sinh động cảm quan hiện thực về con người. Đó là con người từ nỗi cô đơn bản thể đến cảm giác cô độc giữa cộng đồng; từ nỗi âu lo, ưu tư trong cuộc đời riêng đến nỗi hoang mang trước thời cuộc; từ trách nhiệm đến việc lựa chọn một thái

độ sống. Có nghĩa là việc vận dụng tư tưởng và các từ ngữ thuộc phạm trù của chủ nghĩa hiện sinh, với Nguyễn Thị Hoàng, là ý thức và là phong cách riêng của nhà văn (5).

3. Kết luận

Nói về chủ nghĩa hiện sinh ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975, Huỳnh Như Phương cho rằng: “Việc tiếp nhận, truyền bá, vận dụng nó cũng là “cơ duyên” của lịch sử” (Lã Nguyên, 2020, tr.372). Nhìn lại văn học hiện sinh với sáng tác của các nhà văn, nhà thơ Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Mộng Giác, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Đynh Trâm Ca, Viên Linh, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Trần Thị NgH... ta có thể khẳng định đó cũng là cơ duyên của các nhà văn, nhà thơ miền Nam. Và vì vậy, nó cũng là cơ duyên của nhà văn Nguyễn Thị Hoàng. Với cảm hứng hiện sinh, tiểu thuyết của nữ nhà văn đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển của văn học đô thị miền Nam, cho quá trình tiếp nhận và hội nhập với văn học thế giới. Thể hiện con người cá nhân, con người hiện sinh qua cảm quan của một nhà văn nữ và qua diễn ngôn nữ giới, Nguyễn Thị Hoàng đã tạo nên dấu ấn riêng cho tiểu thuyết của mình.

Chú thích

- (1) Bài viết này tìm hiểu cảm hứng hiện sinh trong năm tác phẩm vừa được tái bản năm 2020: *Tiếng chuông gọi người tình trở về, Một ngày rồi thôi, Vòng tay học trò, Tuần trăng mật màu xanh, Cuộc tình trong ngục thất* và hai tác phẩm được in trước 1975: *Vực nước mắt, Năm tháng đầu hiu*.
- (2) *Thành lũy hư vô*, trích tập truyện ngắn *Trên thiên đường kỷ ức*, New Viets, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội (tr.133).
- (3) Jean-Paul Sartre giải thích về “angoisse” trong *L’existentialisme est un humanisme* (xem thêm *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, Đinh Hồng Phúc dịch, Nxb Tri Thức, 2016, tr.37, 38). Thomas Flynn triển khai “angst” trong *Existentialism: Very short introduction* về quan điểm của Jean-Paul Sartre mà theo tác giả, Jean-Paul Sartre lấy cảm hứng từ Kierkegaard (xem thêm *Chủ nghĩa hiện sinh – Dẫn luận ngắn*, Đinh Hồng Phúc dịch, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr.125).

(4) Thomas Flynn cho rằng: “Có năm chủ đề cơ bản mà mỗi nhà hiện sinh khai thác theo cách riêng của mình”: Hiện hữu đi trước bản chất; Thời gian là bản chất; Thuyết nhân bản; Tự do/trách nhiệm; Những cách xem xét đạo đức học là quan trọng hơn cả. (xem thêm *Chủ nghĩa hiện sinh – Dẫn luận ngắn*, Đinh Hồng Phúc dịch, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr.30, 31).

(5) Trong *Về tư tưởng và văn học phương Tây hiện đại*, Phạm Văn Sĩ viết: “Ở Sài Gòn từ năm 1963, ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện sinh lan rộng đến nỗi nhiều người cảm bút tự thấy mình lạc lõng nếu như bài viết của họ thiếu những danh từ quen thuộc của chủ nghĩa hiện sinh” (xem thêm *Về tư tưởng và văn học phương Tây hiện đại*, Phạm Văn Sĩ, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1986, tr.338).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hà Minh Châu (2014). Bùi Giáng và Albert Camus. Tạp chí *Khoa học Đại học Phú Yên*. (số 6), 84-99.
- Lã Nguyên (chủ biên) (2020). *Việt Nam - Một thế kỉ tiếp nhận tư tưởng văn nghệ nước ngoài*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Jean-Paul Sartre (2015). *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*. (Đinh Hồng Phúc dịch). Hà Nội: NXB Tri thức.
- Nguyễn Thị Hoàng (1970). *Vực nước mắt*. Sài Gòn: Mây Hồng.
- Nguyễn Thị Hoàng, Trịnh Thị Hiền (1973). *Năm tháng đầu hiu*. Sài Gòn: Đời Mới.
- Nguyễn Thị Hoàng (2020a). *Cuộc tình trong ngục thất*. Hà Nội: Nhã Nam, NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Thị Hoàng (2020b). *Một ngày rời thôi*. Hà Nội: Nhã Nam, NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Thị Hoàng (2020c). *Tiếng chuông gọi người tình trở về*. Hà Nội: Nhã Nam, NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Thị Hoàng (2020d). *Trên thiên đường ký ức*. Hà Nội: Nhã Nam, NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Thị Hoàng (2020đ). *Tuần trăng mật màu xanh*. Hà Nội: Nhã Nam, NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Thị Hoàng (2020e). *Vòng tay học trò*. Hà Nội: New Viets, NXB Hội Nhà văn.
- Phạm Văn Sĩ (1986). *Về tư tưởng và văn học phương Tây hiện đại*. Hà Nội: NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- Thomas Flynn (2018). *Chủ nghĩa hiện sinh – Dẫn luận ngắn*. (Đinh Hồng Phúc dịch). TP. Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần Thái Đình (2008). *Triết học hiện sinh*. Hà Nội: NXB Văn học.

Ngày nhận bài: 25/3/2021

Biên tập xong: 15/4/2021

Duyệt đăng: 20/4/2021